

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 10-01-2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên
Ông Lê Thành Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Văn Bé Tư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLPT – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về: “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị Kim P; cư trú tại: Ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Trần Công M; cư trú tại: Ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Anh Trần Công M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27-5-2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Thị Kim P trình bày: Chị và anh Trần Công M kết hôn vào ngày 29/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán. Sau khi kết hôn chị và anh M sống chung với gia đình cha mẹ ruột của chị tại ấp T, xã B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp nhau, khi vợ chồng cãi nhau, anh M thường hay đánh đập chị, dùng lời lẽ thô tục xúc phạm chị, có lần anh M đánh, chị phải nhập viện, chị đã nhiều lần yêu cầu anh M sửa đổi nhưng không được. Chị và anh M đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, chị P yêu cầu được ly hôn với anh Trần Công M.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Văn K, sinh ngày 24/02/2009 và Trần Cao Quốc H, sinh ngày 12/11/2015. Hiện nay hai cháu do chị P chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trần Văn K và Trần Cao Quốc H và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ý kiến ngày 17/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Công M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M thống nhất theo lời trình bày của chị P về việc kết hôn, quá trình chung sống cũng như mối quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cãi, anh thừa nhận có lần đánh chị P do chị P có lời lẽ không tế nhị với anh. Vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2019 cho đến nay. Việc chị P yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Văn K, sinh ngày 24 tháng 2 năm 2009 và Trần Cao Quốc H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2015. Hiện nay hai cháu đang sống với chị P. Sau khi ly hôn anh M đồng ý giao hai cháu K và H cho chị P nuôi dưỡng, anh M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Nếu không thì anh yêu cầu nuôi cháu K hoặc cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:

Căn cứ vào các Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Kim P với anh Trần Công M.

Về con chung: Chị Cao Thị Kim P và anh Trần Công M có 02 con chung: 1/ Trần Văn K, sinh ngày 24 tháng 2 năm 2009; 2/ Trần Cao Quốc H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2015, hai cháu do chị P quản lý và nuôi dưỡng.

Tiếp tục giao cháu Trần Văn K và Trần Cao Quốc H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Trần Công M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Văn K mỗi tháng bằng số tiền: 745.000 đồng/1 tháng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), cấp dưỡng nuôi cháu Trần Cao Quốc H mỗi tháng bằng số tiền: 745.000 đồng/1 tháng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi hai cháu K và H tròn 18 tuổi.

Anh Trần Công M có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Chị P và anh M thống nhất không có yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị P và anh M không có yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/9/2019, bị đơn anh Trần Công M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Cao Quốc H sinh ngày 12/11/2015, chị P không phải cấp dưỡng nuôi cháu H. Chị Cao Thị Kim P được trực tiếp nuôi Trần Văn K, sinh ngày 24/02/2009, anh không phải cấp dưỡng nuôi cháu K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Cao Thị Kim P và anh Trần Công M kết hôn vào năm 2008 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nên hai người không còn chung sống với nhau. Về quan hệ hôn nhân, cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị P với anh M phần này không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Anh M kháng cáo yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Cao Quốc H, sinh ngày 12/11/2015, còn cháu Trần Văn K giao cho chị P nuôi dưỡng, anh và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nhận thấy việc cha mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con sau khi ly hôn vừa là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khi giải quyết ly hôn các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con hoặc Tòa án xử giao con cho ai là người trực tiếp nuôi con phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng người và phải quan tâm đến quyền và lợi ích mọi mặt của đứa trẻ.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/6/2019, anh M đồng ý giao hai con chung cho chị P nuôi, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu K và cháu H từ khi chị P và anh M không còn chung sống với nhau đều do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Các cháu được chăm sóc chu đáo và có cuộc sống ổn định. Sau khi cấp sơ thẩm xử công nhận thuận tình ly hôn, anh M cũng không quan tâm chăm sóc các con, không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh cũng đồng ý giao con cho chị P nuôi. Mặt khác cháu K đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng sống chung với chị P. Cháu H còn nhỏ mới trên 4 tuổi cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy cấp sơ thẩm giao 02 con chung là cháu K và cháu H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Tại Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đây là trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Bản sơ thẩm buộc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu H mỗi cháu một tháng 745.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng từ khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị P không kháng cáo, anh M kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu H và không phải cấp dưỡng nuôi con là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Công M và giữ nguyên Bản án số 81/2019/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung: Giao cháu Trần Văn K, sinh ngày 24 tháng 2 năm 2009 và cháu Trần Cao Quốc H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2015, hiện nay do chị P đang nuôi dưỡng cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng.

Buộc anh Trần Công M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Văn K và cháu Trần Cao Quốc H mỗi cháu một tháng số tiền: 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu K, cháu H đủ 18 tuổi.

Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

2. Anh M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do anh M đã nộp theo biên lai thu số 7636 ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TANDHL: 01;
- THADSHL: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn